TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Viện

2. Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2025/TLST- HNGĐ ngày 05/5/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2025/QĐST- HNGĐ ngày 01/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá, (nay là phường H, tỉnh Thanh Hoá); (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Huy P, sinh năm 1978.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá, (nay là phường H, tỉnh Thanh Hoá).

Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: chị H và anh Nguyễn Huy P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2003 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình căng thẳng,

chị và anh P đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Năm 2019, chị được biết anh P đã đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc. Chị H không liên lạc với anh P và không biết địa chỉ cụ thể của anh P bên Hàn Quốc. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về nuôi con chung: Chị và anh P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 07/02/2003; cháu Nguyễn Thị Minh A2, sinh ngày 19/11/2019; cháu Nguyễn Đình Minh Q, sinh ngày 01/6/2013. Cháu Phương A đã thành niên chị không yêu cầu Toà án giải quyết, đối với Minh A2 và Minh Q, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ chung*:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của cháu Nguyễn Thị Minh A2, cháu Nguyễn Đình Minh Q: Nếu bố mẹ ly hôn hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Lan P2 là em gái ruột của anh P, chị P2 trình bày như sau: Về hôn nhân chị H, anh P kết hôn năm 2003, sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại nhà bố mẹ anh P. Thời gian đầu anh P, chị H sống hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn thế nào chị không biết cụ thể. Anh, chị có 03 con chung như chị H trình bày là đúng và hiện cháu Minh A2 và Minh Q đang ở với chị H. Toà án yêu cầu chị P2 cung cấp địa chỉ của anh P và thông báo cho anh P biết về việc chị H có đơn xin ly hôn đối với anh. Chị P2 đã thông tin cho anh P biết việc chị H xin ly hôn, nhưng anh P không gửi văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét và không cung cấp địa chỉ cho chị P2 để cung cấp cho Tòa án.

* Ý kiến đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Huy P có hộ khẩu thường trú tại đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá, (nay là phường H, tỉnh Thanh Hoá). Nhưng hiện nay anh P đã xuất cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Thanh Hoá có văn bản số 796/PA08 – T1 ngày 10/4/2025 trả lời Công văn số 102/CV-TA ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: anh Nguyễn Huy P, sinh ngày 15/02/1978, đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Cát Bi, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do anh P không cung cấp địa chỉ, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật đối với anh P; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh P, chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Huy P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị H, anh P đã sống ly thân từ năm 2019, không quan tâm, trách nhiệm với nhau. Năm 2019, anh P đi xuất khẩu lao động sang nước Hàn Quốc làm ăn, không liên lạc gì với vợ con, đến nay vẫn chưa về nước. Qua đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh P không có sự vun đắp từ hai phía, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh P.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H, anh P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 07/02/2003 (đã thành niên); cháu Nguyễn Thị Minh A2, sinh ngày 19/11/2019; cháu Nguyễn Đình Minh Q, sinh ngày 01/6/2013. Xét thấy, hai cháu Minh A2 và Minh Q chưa thành niên nên cần phải giao cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không có ý kiến gửi Tòa án để được xem xét, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con là chính đáng. Hiện hai cháu đang sinh sống cùng chị H và có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần cho các con khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai cháu Minh A2 và Minh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Huy P.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Minh A2, sinh ngày 19/11/2019; Nguyễn Đình Minh Q, sinh ngày 01/6/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải đóng góp nuôi con. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001856 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Huy P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm - TAND Tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ; ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nga